TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN AN** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/LĐ-ST
Ngày: 07-6-2024
V/v tranh chấp tiền lương và tranh chấp bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Chiếm

Ông Phạm Văn Hải

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Tuyết Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2024/TLST-LĐ ngày 31 tháng 01 năm 2024 về "tranh chấp đòi tiền lương và bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-LĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị Thanh T,** sinh năm 1981;

Cư trú tại: Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tuấn D, sinh năm 1987; cư trú tại: Số H Đường C, Phường E, thành phố T, tỉnh Long An; là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 20/10/2023) (có mặt).

Bị đơn: **Công ty cổ phần B** (viết tắt: Công ty B);

Địa chỉ trụ sở: Số A, Tỉnh lộ 827, khu phố B, Phường G, thành phố T, tỉnh Long An;

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của bị đơn: Ông Lê Cao M, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của ông M: Bà Vũ Thị Huyền T1, sinh năm 2000; chức vụ: Nhân viên; Cư trú tại: Số B Đường Đ, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 07/6/2024) (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Bảo hiểm xã hội tỉnh L**;

Địa chỉ trụ sở: Số H T tránh Quốc lộ A, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần S; chức vụ: Giám đốc; là người đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Tuấn D trình bày như sau:

Bà T là nhân viên của Công ty B với chức danh: nữ hộ sinh theo Hợp đồng lao động không xác định thời hạn ký ngày 04/8/2020. Căn cứ vàp Hợp đồng lao động và phụ lục hợp đồng lao động, tổng lương của bà T được hưởng là 12.250.000 đồng/tháng chưa bao gồm công tác phí và phí đào tạo. Công ty B phải thực hiện các nghĩa vụ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (viết tắt: BHXH/BHYT/BHTN) theo quy định của pháp luật.

Sau nhiều tháng phía Công ty B không thanh toán lương và trả lương không đầy đủ như thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết nên bà T đã nộp đơn xin nghỉ việc. Tại Quyết định số 290/QĐ-BVTWG ngày 11/6/2023, bà T chấm dứt Hợp đồng lao động với Công ty B kể từ ngày 10/6/2023. Căn cứ theo Quyết định này, bà T "được hưởng thu nhập và giải quyết chế độ quyền lợi liên quan (nếu có) tính hết ngày 10/6/2023". Về bảo hiểm xã hội, mỗi tháng Công ty B đều trích 10,5% lương của bà T để đóng bảo hiểm xã hội. Tuy nhiên, theo tra cứu trên hệ thống phần mềm bảo hiểm xã hội VssID thì đến khi bà T nghỉ việc, Công ty B đã chậm đóng bảo hiểm xã hội cho bà T là 02 năm 01 tháng.

Sau đó, mặc dù bà T đã liên hệ trực tiếp nhiều lần với Công ty B để được giải quyết chế độ tiền lương và chế độ bảo hiểm xã hội nhưng Công ty B vẫn không chi trả chế độ cho bà T theo đúng quy định pháp luật.

Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu Công ty B phải trả số tiền nợ lương gồm gốc và lãi tính đến hết ngày 30/6/2023 là 40.283.163 đồng; nợ tiền bảo hiểm xã hội do chậm đóng là 02 năm 01 tháng; đồng thời hoàn thành thủ tục xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và trả lại bản chính giấy tờ cho bà T.

Sau đó, bà T có văn bản rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: bà T chỉ khởi kiện yêu cầu Công ty B trả tiền lương còn nợ với số tiền gốc là 34.971.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, không yêu cầu trả lại bản chính giấy tờ cho người lao động. Đồng thời, bà T có văn bản yêu cầu Công ty trả số tiền chậm đóng bảo hiểm xã hội là 02 năm 10 tháng theo văn bản xác nhận ngày 08/3/2024 của cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An với số tiền tạm tính là 20.390.964 đồng, không phải 02 năm 01 tháng.

Tại bản tự khai ngày 19/3/2024, ông Nguyễn Văn T2 đại diện của bị đơn Công ty B trình bày như sau: Hiện nay, Công ty B đang gặp nhiều khó khăn, đề nghị Toà án xem xét tạo điều kiện cho Công ty B có thêm thời gian thỏa thuận với người lao động đến cuối tháng 5 năm 2024 để cơ cấu khoản nợ, lên phương án trả nợ cho các chủ nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L trình bày ý kiến của Bảo hiểm xã hội tỉnh L tại Văn bản số 485/BHXH-PQLT-ST ngày 08/3/2024 như sau:

Căn cứ hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ tại BHXH tỉnh L, bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 11/7/1981, căn cước công dân số 082181014188, mã số BHXH 7908018671, chức danh là hộ sinh được Công ty Cổ phần B đăng ký tham gia bảo hiểm

xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp từ tháng 8/2020 đến tháng 5/2023 (02 năm 10 tháng), Công ty chậm đóng các loại bảo hiểm nêu trên của bà T với số tiền tạm tính là 20.390.964 đồng (trong đó, tiền lãi chậm đóng là 3.768.611 đồng). BHXH tỉnh Long An với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của Toà án nhân dân thành phố Tân An.

Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải nên vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên toà,

Đại diện nguyên đơn trình bày: Sau khi kiểm tra lại số liệu, bà T xác định chỉ yêu cầu Công ty B trả số tiền nợ lương còn thiếu tổng cộng gốc là 34.971.000 đồng, không yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi do chậm trả lương, không yêu cầu trả lại bản chính các giấy tờ vì đã được nhận lại trước đó. Đồng thời, bà T yêu cầu Công ty B phải trả số tiền chậm đóng bảo hiểm xã hội là 02 năm 10 tháng theo văn bản xác nhận ngày 08/3/2024 của cơ quan BHXH tỉnh Long An với số tiền tạm tính là 20.390.964 đồng và bị đơn phải thực hiện chốt sổ bảo hiểm cho nguyên đơn đúng quy định của pháp luật. Không đồng ý phương án thương lượng do phía bị đơn đưa ra.

Đại diện bị đơn trình bày: Công ty B thừa nhận còn thiếu bà T tổng cộng liền lương là 34.971.000 đồng và nợ tiền bảo hiểm xã hội chưa đóng cho bà T đúng như xác nhận của Bảo hiểm xã hội tỉnh L. Tuy nhiên, do nguồn vốn của chủ đầu tư tại Bệnh viện T3 đến nay bị thua lỗ lớn sau 03 năm hoạt động và Bệnh viện mất khả năng chi trả các khoản nợ đọng cho người lao động và nhà cung cấp. Do đó, Công ty B đưa ra các phương án để trao đổi như sau:

Phương án 1: Đề nghị người lao động không nhận toàn bộ số tiền lương hiệu quả công việc và các khoản phụ cấp còn lại chưa thanh toán là 34.971.000 đồng.

Phương án 2: Nến người lao động muốn nhận đủ lương còn lại từ Bệnh viện thì thống nhất đợi sau tháng 8 năm 2024, Bệnh viện kiểm toán số liệu xong, có kế hoạch tài chính cụ thể sẽ thông báo tới người lao động, dự kiến thanh toán từ 18 đến 24 tháng.

Phương án 3: Người lao động nhận lương theo phương án hỗ trợ một phần từ chủ đầu tư. Theo đó, mức hỗ trợ tuỳ trường hợp nhưng sẽ ưu tiên trước cho người lao động có thu nhập thấp và có hoàn cảnh khó khăn cần hỗ trợ cho tới khi hết nguồn hỗ trợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; việc xác định thẩm quyền, tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ của Tòa án từ khi thụ lý và trong quá trình xét xử tại phiên tòa đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa bà T và Công ty B có xác lập Hợp đồng lao động không xác định thời hạn vào ngày 04/8/2020, hai bên thoả thuận chấm dứt hợp đồng lao động từ ngày 11/6/2023 và không có tranh chấp gì về hợp đồng lao động. Tại phiên toà, nguyên đơn và bị đơn

thống nhất số tiền nợ lương bị đơn còn thiếu của nguyên đơn từ tháng 9/2022 đến tháng 12/2022 là: 34.971.000 đồng, bị đơn chậm đóng bảo hiểm xã hội theo đúng xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L. Bị đơn đưa ra phương án thương lượng nhưng không được phía nguyên đơn đồng ý. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn khởi kiện tranh chấp tiền lương và bảo hiểm xã hội đối với Công ty B có trụ sở tại Phường G, thành phố T, tỉnh Long An. Căn cứ Điều 32, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An có thẩm quyền xét xử sơ thẩm.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn có mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An vắng mặt có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về giới hạn của việc xét xử sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu Công ty B trả số tiền nợ lương 34.971.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền nợ lương chậm thanh toán; yêu cầu bị đơn phải đóng bảo hiểm xã hội cho bà T với thời hạn 02 năm 10 tháng với số tiền tạm tính là 20.390.964 đồng; đồng thời yêu cầu bị đơn thực hiện thủ tục xác nhận bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn; bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án xét xử trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[4.1] Đối với tiền nợ lương: Sau khi bà T chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty B, Công ty B đã nhiều lần gửi email xác nhận nợ với bà T. Bà T đã cung cấp bảng Sao kê tài khoản của bà T và Vi bằng số 249/2024/ViB-TPL.LA lập ngày 11/5/2024 ghi nhận nội dung các email được gửi từ tài khoản "Phòng Nhân sự <longan.hr@benhvientwg.com.vn" đến tài khoản thanhthuynguyenthi1107@gmail.comTính đến hiện nay, Công ty B còn nợ tổng cộng tiền lương của bà T từ tháng 9/2022 đến tháng 12/2022 là 34.971.000 đồng.

[4.2] Đối với nợ tiền bảo hiểm xã hội: Căn cứ Văn bản số 485/BHXH-PQLT-ST ngày 08/3/2024 của Bảo hiểm xã hội tỉnh L cung cấp thể hiện Công ty B đã chậm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp từ tháng 8/2020 đến tháng 5/2023 (02 năm 10 tháng) của bà T với số tiền tạm tính là 20.390.964 đồng (trong đó, tiền lãi chậm đóng là 3.768.611 đồng).

[4.3] Tại Khoản 3 Điều 18 Nghị định 115/2025/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội quy định *"Người sử dụng lao động có trách nhiệm đóng đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bao gồm cả tiền lãi chậm đóng theo quy định đối với người lao động đủ điều kiện hưởng bảo hiểm xã hội hoặc chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc để kịp thời giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động".* Theo đó, việc Công ty B chậm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đồng thời chậm hoàn thành thủ tục xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho bà T đã làm ảnh hưởng

đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T được pháp luật bảo vệ, vi phạm Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội và Điều 48 Bộ luật Lao động đồng thời đây là hành vi bị nghiêm cấm theo Điều 17 Luật Bảo hiểm xã hội.

[4.4] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn thống nhất xác định số tiền lương mà bị đơn còn nợ chưa trả của nguyên đơn là 34.971.000 đồng và số tiền nợ bảo hiểm xã hội như Bảo hiểm xã hội tỉnh L cung cấp với số tiền tạm tính đến tháng 5/2023 là 20.390.964 đồng (trong đó, tiền lãi chậm đóng là 3.768.611 đồng).

[4.5] Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty B trả số tiền nợ lương còn thiếu đồng thời đóng bảo hiểm xã hội và hoàn thành thủ tục xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[5] Đại diện bị đơn đề nghị nguyên đơn cho thương lượng trả dần nợ nợ lương còn thiếu và kéo dài thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo phương án do bị đơn đưa ra nhưng không được nguyên đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận đề nghị trả dần của bị đơn.

[6] Án phí lao động sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn Công ty B phải chịu án phí là 03% trên số tiền phải trả cho nguyên đơn do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

[7] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều: 32, 35, 39, 244, 147, 271 và 273, 482, 483 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 48, 95, 168 Bộ luật Lao động; Điều 17, 18, 19, 21, 22, 23, 85, 86, 122 Luật Bảo hiểm xã hội; Điều 13, 14, 15 Luật Bảo hiểm y tế; Điều 44 Luật Việc làm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và tiểu mục 1.5 mục 1 Phần II danh mục án phí, lệ phí Toà án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T đối với Công ty B về việc "tranh chấp đòi tiền lương và bảo hiểm xã hội".

Buộc Công ty B phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền nợ lương là 34.971.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu Công ty B trả tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền lương chưa trả.

Buộc Công ty B phải đóng tiền BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN cho bà Nguyễn Thị Thanh T, mã số BHXH 7908018671 từ tháng 8/2020 đến tháng 5/2023 với số tiền là 20.390.964 đồng (trong đó tiền lãi chậm đóng tạm tính là 3.847.182 đồng) đồng thời phải hoàn thành thủ tục xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho bà T.

Công ty B còn phải chịu khoản tiền lãi do chậm đóng các khoản bảo hiểm trên cho Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An với mức lãi suất theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội tương ứng với thời gian chậm đóng.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc bị đơn Công ty B chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm là 1.660.858 đồng sung ngân sách Nhà nước.

- Nguyên đơn được miễn tạm ứng án phí nên không phải hoàn trả.

4. Về hướng dẫn thi hành án:

- Bản án có hiệu lực thi hành ngay theo Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. Tân An;
- Chi cục THA tp. Tân An;
- Các đương sự (03);
- Lưu: HS vụ án, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Toàn Vẹn